TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 18/2024/DS-ST
Ngày 17.5.2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Văn Cơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên toà số 14/TB-TA ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị A - sinh năm 1984; Nơi cư trú: Tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh S - Sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ D, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng và bà Trương Thục K - Sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ A, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng; cùng địa chỉ liên lạc: G T, phường H, quận C, (*Theo Giấy uỷ quyền ngày 11 tháng 01 năm 2024*), (*Đều có mặt*).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Duy K1 - sinh năm 1985; nơi cư trú: K đường N,

phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại Bản trình bày ngày 06 tháng 3 năm 2024, nguyên đơn - bà Hoàng Thị A và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Hoàng Thị A và ông Nguyễn Duy K1 là bạn bè, quen biết. Tháng 05 năm 2021, ông K1 và mẹ ông K1 có đến gặp bà A mượn tiền để nộp thuế đất chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở lâu dài khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 18 tháng 5 năm 2021, bà A cho ông K1 mượn số tiền 440.000.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi triệu đồng*). Ông K1 đã viết giấy mượn tiền và hẹn trong vòng 02 tháng sẽ trả lại. Ông K1 còn cam kết miệng nếu chưa trả được tiền đúng hạn sẽ trả lãi cho bà A 5%/01 tháng.

Tuy nhiên, đến hạn, ông K1 không trả tiền cho bà A. Bà A đã nhiều lần liên hệ ông K1 hỏi về tình hình chuyển đổi mục đích đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông K1 cam kết khi có sổ sẽ thế chấp ngân hàng để thanh toán tiền mượn cho bà A.

Đến ngày 03 tháng 11 năm 2022, ông K1 đã hoàn thành thủ tục ra sổ và được Ủy ban nhân dân quận L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 284847 đối với thửa đất số 118, tờ bản đồ số 27, đứng tên ông Bùi Quang Đ và bà Lê Thị T (*Là dì của ông K1*).

Sau đó, bà A đã nhiều lần liên hệ nhưng ông K1 vẫn không trả nợ, mặc dù vợ chồng dì của ông K1 đã thế chấp tài sản vay tiền tại Ngân hàng.

Đến ngày 11 tháng 4 năm 2023, ông K1 viết giấy cam kết xác nhận đã nợ bà A số tiền 440.000.000 đồng từ tháng 5 năm 2021 với lãi suất thoả thuận 5%/ 01 tháng. Ông K1 cam kết 02 tuần sau sẽ trả số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và sau 02 tháng tiếp theo sẽ trả hết số tiền gốc đã mượn, còn tiền lãi sẽ trả hàng tháng.

Vào ngày 04 tháng 5 năm 2023, ông K1 đã trả cho bà A số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) và hẹn đến chiều sẽ trả thêm 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nên ông K1 đã viết xác nhận số tiền nợ còn lại của bà A là 410.000.000 đồng (*Bốn trăm mười triệu đồng*) và hứa trả hàng tháng 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông K1 không trả cho bà A số tiền thêm 10.000.000 đồng như đã hứa và cũng không trả thêm được khoản nào. Như vậy, số tiền ông K1 còn nợ của bà A là 420.000.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi triệu đồng*).

Do ông K1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà A yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông K1 phải thanh toán số tiền 655.331.507 đồng (*S1 trăm năm mươi lăm triệu ba trăm ba mươi mốt ngàn năm trăm lẻ bảy đồng*). Trong đó, nợ gốc là

420.000.000 đồng, tiền lãi tính ngày 19 tháng 6 năm 2021 đến ngày 06 tháng 3 năm 2024 với mức lãi suất 20%/năm/365 ngày là 235.331.507 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với tiền gốc. Đối với tiền lãi, yêu cầu ông K1 trả số tiền tính từ ngày 19 tháng 7 năm 2021 đến ngày xét xử - ngày 17 tháng 5 năm 2024 là 1034 ngày x 20%/năm : 365 ngày x 420.000.000 đồng = 237.961.644 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi bà A yêu cầu ông K1 thanh toán là 657.961.644 đồng *(Sáu trăm năm mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi mốt ngàn sáu trăm bốn mươi bốn đồng).*

** Theo Bản tự khai ngày 06 tháng 02 năm 2024, bị đơn - ông Nguyễn Duy K1 trình bày:*

Ngày 19 tháng 6 năm 2021, ông có mượn của bà Hoàng Thị A số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*). Bà A tính lãi 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Tổng cộng là 420.000.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi triệu đồng*). Trong năm 2023, ông đã trả cho bà A được 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) và ông có viết giấy xác nhận số tiền nợ còn lại 390.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi triệu đồng*), cam kết trả hàng tháng tiếp theo 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), nhưng bà A muốn ông trả gấp chia ra hai đợt cho xong nợ. Hiện tại, kinh tế đang gặp khó khăn nên ông xin trả số tiền nợ gốc 390.000.000 đồng và 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) tiền lãi theo phương thức trả mỗi tháng 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông K1 xác nhận:

Do có nhu cầu mượn tiền để làm giấy tờ đất nên ngày 18 tháng 5 năm 2021, ông có mượn của bà Hoàng Thị A số tiền là 420.000.000 đồng. Bà A tính tiền lãi 20.000.000 đồng, nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Tổng cộng số tiền ông mượn của bà A là 440.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 18 tháng 5 năm 2021. Ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại Công an thành phố Đ, ông có viết giấy cam kết hứa 02 tuần sau sẽ trả 200.000.000 đồng. Đến ngày 04 tháng 5 năm 2023, ông có trả cho bà A số tiền 20.000.000 đồng và hứa chiều tối sẽ đem qua trả thêm 10.000.000 đồng nhưng ông không thực hiện được. Đến nay, ông còn nợ bà A số tiền 420.000.000 đồng. Ông và bà A có thỏa thuận ông trả lãi 5%/1 tháng nhưng thực tế ông không trả tiền lãi nào. Ông chỉ trả được 20.000.000 đồng và bà A đã trừ vào số tiền nợ gốc. Do hiện nay hoàn cảnh khó khăn, công việc không ổn định, nuôi hai con nhỏ, đang ở trọ nên ông xin trả số tiền nợ gốc 420.000.000 đồng và xin không trả tiền lãi. Ông xin trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ cũng như việc kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ. Việc hỏi, tranh luận tại phiên toà được tiến hành khách quan, đúng trình tự theo quy định tại Mục 3 Chương XIV Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 280, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị A về việc yêu cầu ông Nguyễn Duy K1 thanh toán số tiền nợ 420.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 18 tháng 5 năm 2021, Giấy cam kết ngày 11 tháng 4 năm 2023, lời trình bày của bà A tại Đơn khởi kiện và của người đại diện theo uỷ quyền của bà A, lời xác nhận nợ của ông K1 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

Ông Nguyễn Duy K1 có vay của bà Hoàng Thị A số tiền 440.000.000 đồng vào ngày 18 tháng 5 năm 2021 và cam kết trả nợ trong 02 tháng. Sau đó, đến ngày 11 tháng 4 năm 2023, ông K1 có viết giấy cam kết và hẹn 02 tuần sẽ trả 200.000.000 đồng, sau 02 tháng kể từ ngày trả 200.000.000 đồng sẽ trả hết số tiền nợ gốc còn lại. Đến ngày 04 tháng 5 năm 2023, ông K1 chỉ trả cho bà A được 20.000.000 đồng. Đến nay đã quá hạn thanh toán nhưng ông K1 vẫn chưa trả được nợ cho bà A.

Do ông K1 đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tiền về thời hạn thanh toán nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, xử buộc ông K1 phải thanh toán cho bà A số tiền nợ 420.000.000 đồng, là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

[2] Bà A yêu cầu ông K1 trả số tiền lãi tính từ ngày đến hạn thanh toán - ngày 19 tháng 7 năm 2021 đến ngày xét xử - ngày 17 tháng 5 năm 2024, là 1034 ngày, theo mức lãi suất 20%/năm đối với số tiền nợ gốc 420.000.000 đồng, là 237.961.644 đồng.

Hội đồng xét xử thấy: Khoản vay của ông K1 là khoản vay có lãi, đã được ông K1 thừa nhận. Số tiền yêu cầu tính lãi 420.000.000 đồng tính từ ngày đến hạn thanh toán là có lợi cho ông K1, thời gian yêu cầu tính lãi và mức lãi suất yêu cầu

phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử buộc ông K1 phải trả cho bà A số tiền lãi 237.961.644 đồng.

[3] Ông K1 trình bày trong số tiền nợ 440.000.000 đồng có 20.000.000 đồng tiền lãi nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và không được người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thừa nhận. Ông K1 đề nghị trả nợ dần cũng không được người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn - ông Nguyễn Duy K1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng + 4% (420.000.000 đồng + 237.961.644 đồng - 400.000.000 đồng) = 30.318.466 đồng (*Ba mươi triệu ba trăm mười tám ngàn bốn trăm sáu mươi sáu đồng*) theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, các điều 235, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị A đối với ông Nguyễn Duy K1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Xử: Buộc ông Nguyễn Duy K1 phải thanh toán cho bà Hoàng Thị A số tiền nợ gốc 420.000.000 đồng và nợ lãi 237.961.644 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 657.961.644 đồng (*Sáu trăm năm mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi mốt ngàn sáu trăm bốn mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm 30.318.466 đồng (*Ba mươi triệu ba trăm mười tám ngàn bốn trăm sáu mươi sáu đồng*) ông Nguyễn Duy K1 phải chịu.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị A số tiền tạm ứng án phí 14.660.164 đồng (*Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi ngàn một trăm sáu mươi bốn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0000322 ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy